

3'	<p>2.3. Bài tập 3. Lập bảng tổng kết về dấu câu đã học.</p> <p>3. Củng cố, dặn dò</p>	<p>ngữ, đặt câu hoặc nêu hoàn cảnh sử dụng thành ngữ, tục ngữ đó.</p> <ul style="list-style-type: none">- GV nhận xét.- Gọi HS đọc yêu cầu của bài.- Yêu cầu HS tìm trong mục lục các bài <i>Dấu hai chấm; Dấu ngoặc kép</i> viết câu trả lời vào vở.- Yêu cầu HS trình bày kết quả.- GV nhận xét.- Nhận xét tiết học.- Chuẩn bị bài sau.	<ul style="list-style-type: none">- Đọc.- Tìm.- Trình bày.- Lắng nghe, thực hiện.
----	--	---	--

Tiết 1

Tiếng Anh
Đ/c Thương soạn giảng

Tiết 2

Toán
NHÂN VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức: - Biết cách thực hiện phép nhân số có nhiều chữ số với số có một chữ số (tích có không quá sáu chữ số).
2. Kỹ năng: - Biết đặt tính theo cột dọc.
3. Thái độ: - Tự giác làm bài.

II. Đồ dùng :

- Giáo viên: Phiếu HT, Bảng phụ.
- Học sinh: VBT Toán.

III. Các hoạt động dạy- học:

TG	Nội dung	Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
4'	1. Kiểm tra bài cũ	1. Kiểm tra bài cũ - Gọi HS đặt tính rồi tính: a) 24657×4 b) 36208×5 - GV nhận xét, đánh giá.	- 2 HS lên bảng làm bài.
33'	2. Bài mới 2.1 Giới thiệu bài 2.2. Hướng dẫn thực hiện phép nhân số có sáu chữ số với số có một	-Giới thiệu bài, ghi bảng a) Phép nhân 241324×2 (phép nhân không nhớ) - GV viết bảng phép nhân:	-Lắng nghe, ghi bài.

chữ số	<p>241324 x 2.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS dựa vào cách đặt tính phép nhân số có sáu chữ số với số có một chữ số đặt tính để thực hiện phép nhân trên. - Khi thực hiện phép nhân này, ta phải thực hiện phép tính bắt đầu từ đâu? <p>- Yêu cầu HS suy nghĩ thực hiện phép tính trên.</p> <p>- Vậy: $241324 \times 2 = 482648$.</p> <p>b) Phép nhân 136204×4 (phép nhân có nhớ)</p> <p>- GV viết bảng phép nhân: 136204×4.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS dựa vào cách đặt tính phép nhân số có sáu chữ số với số có một chữ số đặt tính để thực hiện phép nhân trên. - GV nêu kết quả phép nhân đúng, sau đó yêu cầu 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc. - 2 HS lên bảng tính. <p>- Bắt đầu tính từ hàng đơn vị, sau đó đến hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn, hàng chục nghìn, hàng trăm nghìn (tính từ phải sang trái).</p> <p>- Thực hiện.</p> $\begin{array}{r} 241324 \\ \times \quad 2 \\ \hline 482648 \end{array}$ <p>- Nghe và nhắc lại.</p> <p>- HS đọc.</p> <p>- 1 HS lên bảng làm bài.</p> $\begin{array}{r} 136204 \\ \times \quad 4 \\ \hline 544816 \end{array}$ <p>- Vậy: $136204 \times 4 = 544816$.</p> <p>- Nêu.</p>
--------	---	---

	2.3. Luyện tập Bài 1. Đặt tính rồi tính. Bài 3. Tính	HS nêu lại từng bước thực hiện phép nhân của mình. - Yêu cầu HS tự làm bài. - Yêu cầu HS lần lượt trình bày cách tính của con tính mà mình đã thực hiện. - GV nhận xét, đánh giá. - Gọi HS đọc yêu cầu của bài, sau đó tự làm bài phần a). - Hướng dẫn HS nhớ thực hiện các phép tính theo đúng thứ tự. - GV nhận xét, đánh giá.. - Nhận xét tiết học. - Chuẩn bị bài sau.	- 4 HS lên bảng làm bài. - Nêu kết quả: a) b) - 2 HS lên bảng làm bài. - Theo dõi và làm bài. - Lắng nghe, thực hiện.
3'	3. Củng cố, dặn dò		

Tiết 1

Toán

TÍNH CHẤT GIAO HOÁN CỦA PHÉP NHÂN

I. Mục tiêu:

- Kiến thức: - Nhận biết được tính chất giao hoán của phép nhân.
- Kỹ năng: - Bước đầu vận dụng tính chất giao hoán của phép nhân để tính toán.
- Thái độ: - Tự giác làm bài.

II. Đồ dùng :

- Giáo viên: Phiếu HT, Bảng phụ.

	<p>2.3. Luyện tập Bài 1. Điền số thích hợp vào ô trống.</p>	<ul style="list-style-type: none">- Hãy so sánh giá trị của biểu thức $a \times b$ với giá trị của biểu thức $b \times a$ khi $a = 5$ và $b = 4$?- Vậy giá trị của biểu thức $a \times b$ luôn như thế nào so với giá trị của biểu thức $b \times a$?- Ta có thể viết: $a \times b = b \times a$.- Em có nhận xét gì về các thừa số trong hai tích $a \times b$ và $b \times a$?- Khi đổi chỗ các thừa số của tích $a \times b$ cho nhau thì ta được tích nào?- Khi đó giá trị của $a \times b$ có thay đổi không?- Vậy khi ta đổi chỗ các thừa số trong một tích thì tích đó như thế nào?- Yêu cầu HS nêu lại kết luận và công thức về tính chất giao hoán của phép nhân.- Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?- GV viết lên bảng $4 \times 6 = 6 \times \dots$ và yêu cầu HS điền số thích hợp vào ô trống.- Vì sao lại điền số 4 vào ô trống?- Yêu cầu HS tự làm tiếp	<ul style="list-style-type: none">- Giá trị của biểu thức $a \times b$ và $b \times a$ đều bằng 20.- Giá trị của biểu thức $a \times b$ luôn bằng giá trị của biểu thức $b \times a$- HS đọc.- Hai tích đều có các thừa số là a và b nhưng vị trí khác nhau.- Khi đổi chỗ các thừa số của tích $a \times b$ thì ta được tích $b \times a$.- Không thay đổi.- Khi ta đổi chỗ các thừa số trong một tích thì tích đó không thay đổi.- Nêu.- Điền số thích hợp vào ô trống.- HS điền số 4.- Vì khi đổi chỗ các thừa số trong một tích thì tích đó không thay đổi. Tích 4
--	---	---	---

3'	<p>Bài 2. Tính</p> <p>3. Củng cố, dặn dò</p>	<p>các phần còn lại của bài.</p> <ul style="list-style-type: none">- GV nhận xét, - Yêu cầu HS tự làm bài.- GV nhận xét,- Nhận xét tiết học.- Chuẩn bị bài sau.	<p>$x 6 = 6 x 4$. Hai tích này có chung một thừa số là 6 vậy thừa số còn lại $4 = 4$ nên ta điền 4 vào ô trống.</p> <ul style="list-style-type: none">- Làm bài.- 4 HS lên bảng làm bài.-Lắng nghe, thực hiện.
----	---	---	---